

Ordering Code | Mã đặt hàng



3V110-06



3V120-06

3V	1	10	—	06		AC220V	—	
Specification code (Mã thông số kỹ thuật)	Series code (Dòng sản phẩm)	Coil and Places (Cuộn dây và kiểu bố trí)		Port Size (Cổng kết nối)	Port connection and initial state (Kết nối cổng và trạng thái ban đầu)	Standard voltage (Điện áp tiêu chuẩn)		Wiring form (Hình thức đấu dây)
3V: Two-position Three - way Solenoid valve	100 Series	10: Single-head Double-position (10: 1 đầu coil, 2 vị trí)		06: G1/8"	NC: Two-postion Three-way Normal close type (Van 2 vị trí, 3 cửa, loại thường đóng)	DC24V		Blank: Standard connector (Để trống: đầu nối tiêu chuẩn)
3V: Van điện tử 3 cửa, 2 vị trí		20: Double-head Double-position (20: 2 đầu coil, 2 vị trí)			NO: Two-postion Three-way Normal open type (Van 2 vị trí, 3 cửa, loại thường mở)	AC220V		

Specification | Thông số kỹ thuật

Model (Mã hàng)	3V110-06	3V120-06
Position and way NO. (Số vị trí và cửa)	Two-position Three-way (2 vị trí, 3 cửa)	
Effective section area (Diện tích tiết diện hiệu dụng)	12mm ² (CV=0.67)	
Joint pipe bore (Đường kính trong ống nối)	Air inlet (Cổng vào) = Air outlet (Cổng ra) = Exhaust (Cổng xả) = G1/8"	
Working Medium (Môi chất làm việc)	40 Micron filtered air (Không khí được lọc qua lưới 40 Micron)	
Motion pattern (Kiểu chuyển động)	Inner guide type (Kiểu dẫn hướng trong (Tác động gián tiếp))	
Working-pressure (Áp suất làm việc)	0.15 ~ 0.8 MPa	
Max. Pressure resistance (Áp suất chịu tối đa)	1.2 MPa	
Operating temperature (Nhiệt độ hoạt động)	5°C ~ 50°C	
Voltage range (Dải điện áp)	± 10%	
Power consumption (Công suất tiêu thụ)	AC: 2.5VA DC:2.5W (Điện xoay chiều (AC): 2.5VA / Điện một chiều (DC): 2.5W)	
Insulation & protection class (Cấp cách điện & bảo vệ)	F Class. IP65 (Cấp F. Tiêu chuẩn chống nước/bụi IP65)	
Wiring form (Hình thức đấu dây)	Lead wire or Connector type (Dây dẫn ra ngoài hoặc kiểu đầu nối)	
Highest action frequency (Tần số hoạt động tối đa)	5 Cycle/Sec (5 Chu kỳ/Giây)	
Shortest excitation time (Thời gian kích từ ngắn nhất)	0.05 Second (5 giây)	

Overall Dimensions | Kích thước tổng thể

